

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới trên địa bàn xã Kon Braih

Thực hiện Công văn số 4225/SNV-LĐVL&ATLĐ ngày 27/8/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động theo Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024. Ủy ban nhân dân xã Kon Braih báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình

- Xã Kon Braih là một xã miền núi được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã: Đăk Tờ Re, Đăk Ruông và xã Tân Lập; Phía Bắc giáp xã Đăk Kôi, xã Ngọc Réo; Phía Nam giáp xã Đăk Somei, xã Ia Khuol, tỉnh Gia Lai; Phía Đông giáp xã Đăk Rve; Phía Tây giáp xã Đăk Rơ Wa, xã Đăk Cấm. Trung tâm hành chính của xã đặt tại thôn 3, xã Kon Braih. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 25.103,83 ha, Khoảng cách đến trung tâm tỉnh khoảng 154km.

- Hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn chủ yếu là nông nghiệp. Trên địa bàn có các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động với quy mô nhỏ.

- Công tác an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe người lao động, ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh và góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, UBND xã tiếp tục xác định công tác ATVSLĐ là nhiệm vụ cần được quan tâm, lồng ghép trong công tác quản lý nhà nước và tuyên truyền, vận động trên địa bàn.

(Có phụ lục 02 kèm theo báo cáo số liệu cụ thể về lực lượng lao động, doanh nghiệp, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chỉ tiêu liên quan)

II. Kết quả thực hiện

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

1.1. Công tác quán triệt, phổ biến tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, pháp luật về ATVSLĐ

- UBND xã đã quan tâm quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ATVSLĐ đến cán bộ, công chức, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh trên địa bàn.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người

lao động; các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; an toàn trong sử dụng điện, máy móc, thiết bị; an toàn trong xây dựng, sản xuất nông nghiệp và các hoạt động có nguy cơ cao về tai nạn lao động.

- Hình thức tuyên truyền từng bước được đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương thông qua hệ thống truyền thanh, hội nghị, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, các buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật và lồng ghép trong các hoạt động chuyên môn, các cuộc họp tại thôn.

- Hằng năm, xã hưởng ứng và triển khai các hoạt động phù hợp với chủ đề Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động, Tháng Công nhân và các hoạt động tuyên truyền liên quan. Qua đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động trong việc chủ động phòng ngừa, hạn chế tai nạn lao động.

1.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ATVSLĐ

- Triển khai công tác ATVSLĐ theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tuyên truyền, hướng dẫn và nắm tình hình thực hiện tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh.

- Chú trọng công tác phòng ngừa, kịp thời phát hiện, nhắc nhở và phối hợp xử lý các nguy cơ gây mất an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý. Việc bảo đảm quyền được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động của người lao động được quan tâm gắn với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân.

1.3. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật

- UBND xã tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Trong quá trình thực hiện, UBND xã thường xuyên nắm bắt tình hình thực tế tại địa phương, phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh liên quan đến công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động, nhất là đối với hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ và khu vực lao động không có quan hệ lao động, đề báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn.

- Các nội dung về phòng ngừa tai nạn lao động; sử dụng phương tiện bảo hộ lao động; bảo đảm an toàn trong sản xuất, xây dựng, sử dụng điện, máy móc, thiết bị; chăm sóc sức khỏe người lao động; xử lý sự cố, tai nạn lao động được quan tâm lồng ghép trong công tác quản lý và tuyên truyền tại địa phương.

1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ATVSLĐ

- UBND xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động theo phân cấp; tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên và các đơn vị liên quan trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra và xử lý các vấn đề liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn.

- Việc khai báo, thống kê, báo cáo các vụ việc tai nạn lao động, sự cố mất an toàn lao động được thực hiện theo quy định và theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Khi phát sinh vụ việc thuộc thẩm quyền hoặc cần phối hợp xử lý, UBND xã kịp thời nắm tình hình, báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng.

1.5. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, làm công tác ATVSLĐ

- Đã phân công cán bộ, công chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác lao động, việc làm và an toàn, vệ sinh lao động theo chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm.

- Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn của UBND xã với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác tuyên truyền, nắm tình hình và triển khai các nhiệm vụ về an toàn, vệ sinh lao động.

- Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ liên quan được tạo điều kiện tham gia các hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức, từng bước nâng cao kiến thức và kỹ năng trong công tác quản lý nhà nước về lao động và an toàn, vệ sinh lao động.

- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn được tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện việc bố trí người hoặc bộ phận phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, y tế và tổ chức công tác bảo hộ lao động theo quy mô, điều kiện và quy định của pháp luật.

1.6. Việc huy động, bố trí nguồn lực cho công tác ATVSLĐ

- UBND xã chủ động lồng ghép nội dung ATVSLĐ trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, công tác tuyên truyền và các hoạt động có liên quan của địa phương. Nguồn lực thực hiện chủ yếu được bố trí, lồng ghép trong kinh phí hoạt động của địa phương và nguồn lực hợp pháp khác. Đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đề nghị chủ động bố trí kinh phí thực hiện các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, huấn luyện và trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

- Đối với các chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ liên quan, UBND xã phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách đến người sử dụng lao động và người lao động; hướng dẫn người dân tiếp cận các chính sách bảo hiểm theo quy định hiện hành.

2. Đánh giá chung, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm

2.1. Đánh giá chung

a. Kết quả, thành tựu đạt được

- Nhìn chung, công tác ATVSLĐ trên địa bàn xã đã được quan tâm triển khai; nhận thức của cán bộ, người lao động, người sử dụng lao động và các cơ sở sản xuất, kinh doanh từng bước được nâng lên. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện được lồng ghép với các nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa phương.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được duy trì; nội dung an toàn, vệ sinh lao động từng bước được lồng ghép trong các hoạt động quản lý nhà nước và phong trào của địa phương.

- Sự phối hợp giữa UBND xã với các cơ quan chuyên môn cấp trên, UBMTTQ Việt Nam xã; các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị liên quan từng bước được tăng cường.

- Công tác phòng ngừa, nắm bắt nguy cơ mất an toàn lao động được quan tâm, góp phần bảo vệ sức khỏe, tính mạng của người lao động và hạn chế các rủi ro xảy ra mất an toàn trong lao động, sản xuất.

b. Hạn chế

- Nhận thức về an toàn, vệ sinh lao động của một bộ phận người sử dụng lao động và người lao động, nhất là lao động tự do, lao động khu vực phi chính thức, hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ chưa thật sự đầy đủ.

- Việc kiểm tra chuyên sâu về an toàn, vệ sinh lao động thuộc chức năng của các cơ quan chuyên môn cấp trên, do đó công tác của cấp xã chủ yếu là tuyên truyền, hướng dẫn, nắm tình hình và phối hợp thực hiện.

2. 2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân của những thành tựu: Có sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội; sự chủ động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và ý thức chấp hành pháp luật ngày càng được nâng lên.

- Nguyên nhân của những hạn chế: Công tác ATVSLĐ có phạm vi rộng, đối tượng quản lý đa dạng; cán bộ cấp xã chủ yếu kiêm nhiệm; một số cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ còn hạn chế về nguồn lực và nhận thức; việc thống kê, cung cấp thông tin, số liệu có lúc chưa kịp thời.

2.3. Bài học kinh nghiệm

Một là, thường xuyên quán triệt, tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động và cộng đồng.

Hai là, tăng cường phối hợp giữa chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh trong phòng ngừa tai nạn.

Ba là, chú trọng phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở; kịp thời nắm bắt, hướng dẫn và xử lý các nguy cơ mất an toàn theo thẩm quyền.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Bối cảnh và dự báo tình hình kinh tế - xã hội tác động tới ATVSLĐ trong những năm tới

Trong thời gian tới, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng, dịch vụ và các ngành nghề trên địa bàn có thể tiếp tục phát triển, kéo theo nguy cơ phát sinh các yếu tố nguy hiểm, có hại đối với người lao động. Khu vực lao động phi chính thức, hộ gia đình, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ cũng cần được quan tâm tuyên truyền, hướng dẫn về ATVSLĐ.

2. Nhiệm vụ và giải pháp đảm bảo ATVSLĐ trong tình hình mới

2.1 Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- Tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 31-CT/TW của Ban Bí thư và các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.
- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền; tăng cường sử dụng hệ thống truyền thanh, nền tảng số và các hình thức tuyên truyền trực tiếp phù hợp.
- Chú trọng tuyên truyền cho người sử dụng lao động, người lao động trong các lĩnh vực có nguy cơ cao và lao động khu vực phi chính thức.

2.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh chấp hành quy định; chủ động phòng ngừa và kịp thời xử lý nguy cơ mất an toàn theo thẩm quyền.

2.3. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách

- Thường xuyên rà soát những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn tổ chức thực hiện tại địa phương.
- Tổng hợp, báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách phù hợp, nhất là đối với khu vực lao động không có quan hệ lao động và các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ.

2.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động theo phân cấp.

Tăng cường phối hợp giữa UBND xã với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổng hợp, quản lý và báo cáo thông tin có liên quan.

Quan tâm đến việc thống kê, cập nhật danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh; nắm bắt tình hình tai nạn lao động, sự cố mất an toàn lao động, nhất là tại khu vực lao động không có quan hệ lao động.

2.5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ

- Phân công rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác lao động và an toàn, vệ sinh lao động.
- Tạo điều kiện để cán bộ, công chức được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.
- Tăng cường phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị liên quan.

2.6. Huy động, bố trí nguồn lực cho công tác an toàn, vệ sinh lao động

- Thực hiện lồng ghép nguồn lực để triển khai các hoạt động tuyên truyền, phòng ngừa tai nạn lao động và bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh chủ động đầu tư cải thiện điều kiện làm việc, trang bị phương tiện bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp phòng ngừa.

- Ưu tiên các hoạt động phòng ngừa nguy cơ tai nạn lao động đối với các ngành, nghề, lĩnh vực có nguy cơ cao và khu vực lao động không có quan hệ lao động.

2.7. Phát hiện, nhân rộng, biểu dương, khen thưởng

- Kịp thời phát hiện, biểu dương các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Tuyên truyền, nhân rộng những mô hình, cách làm phù hợp, hiệu quả trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, xây dựng môi trường và văn hóa lao động an toàn.

IV. Kiến nghị, đề xuất

1. Đề nghị Sở Nội vụ tiếp tục hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, biểu mẫu thống kê, báo cáo về ATVSLĐ cho UBND cấp xã; tổ chức tập huấn, cập nhật quy định mới cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ.

2. Đề nghị các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tăng cường cung cấp tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn nhận diện và phòng ngừa nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm khu vực nông thôn, hộ gia đình, cơ sở sản xuất nhỏ.

3. Đề nghị quan tâm hỗ trợ địa phương trong công tác kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn đối với các ngành, nghề, lĩnh vực có nguy cơ cao về ATVSLĐ.

Trên đây là báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động theo Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 trên địa bàn xã Kon Braih./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Phòng VH-XH xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Sơn

TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO KẾT QUẢ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 31-CT/TW

(Kèm theo Báo cáo kết quả tình hình thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025	2026	Ghi chú
1	Lực lượng lao động	Người	10.029	10.349	11.234	
2	Lao động trong độ tuổi	Người	10.029	10.349	11.234	
3	Lao động có việc làm	Người	9.248	10.100	10.812	
4	Lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc/độc hại, trong đó: + Lao động nữ + Lao động chưa thành niên + Lao động là người khuyết tật + Lao động là người cao tuổi + Lao động học nghề, tập nghề, thử việc + Lao động được cho thuê lại + Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Người	0	0	0	
5	Số vụ tai nạn lao động trong kỳ báo cáo (tỷ lệ % tăng +, giảm - so với kỳ trước), trong đó: + Số vụ có người chết (tỷ lệ % tăng +, giảm - so với kỳ trước) + Tổng số người chết (tỷ lệ % tăng +, giảm - so với kỳ trước)	Vụ/người	0	0	0	
6	Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo	Người	0	0	0	
7	Số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm cuối kỳ báo cáo, Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo	Người	0	0	0	
8	Số người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ bồi thường, trợ cấp theo quy định của pháp luật trong kỳ báo cáo, trong đó: Số người người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo	Người	0	0	0	
9	Số người lao động được khám bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo (tỷ lệ % tăng +, giảm – so với kỳ trước).	Người	0	0	0	
10	Tổng chi phí cho tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp...) trong kỳ báo cáo, trong đó:	Đồng	0	0	0	

	+ Chi phí cho tai nạn lao động + Chi phí cho bệnh nghề nghiệp					
11	Tổng thiệt hại về tài sản do tai nạn lao động..... (tính bằng tiền) trong kỳ báo cáo	Đồng	0	0	0	
12	Số người lao động thuộc diện được bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật trong kỳ báo cáo, trong đó: + Số người được bồi dưỡng + Tổng kinh phí bồi dưỡng	Người/đồng	0	0	0	
13	Số người làm công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động cấp tỉnh, huyện (cũ), xã (mới) và trong các ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao tại thời điểm cuối kỳ báo cáo, trong đó: + Số người được tập huấn nâng cao năng lực về an toàn, vệ sinh lao động trong kỳ báo cáo.	Người	1	1	1	
14	Số người lao động làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại thời điểm cuối kỳ báo cáo, trong đó: + Số người lao động được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động trong kỳ báo cáo	Người	0	0	0	
15	Số người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp tại thời điểm cuối kỳ báo cáo, trong đó: + Số người được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động trong kỳ báo cáo	Người	0	0	0	
16	Số người làm công tác y tế cơ sở được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.	Người	0	0	0	
17	Số làng nghề, hợp tác xã có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trong đó: + Số được cơ quan có thẩm quyền tổ chức phổ biến, tiếp cận thông tin phù hợp về an toàn, vệ sinh lao động	Người	0	0	0	
18	Số doanh nghiệp, cơ sở có yêu cầu bắt buộc thực hiện quan trắc môi trường lao động tại thời điểm cuối kỳ báo cáo, trong đó: + Số doanh nghiệp, cơ sở được quan trắc môi trường lao động trong kỳ báo cáo + Số mẫu quan trắc môi trường lao động + Số mẫu không đạt chuẩn + Số doanh nghiệp, cơ sở có mẫu không đạt chuẩn	Cơ sở	0	0	0	
19	Số máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, trong đó: + Số đang sử dụng + Số đã kiểm định còn hiệu lực + Số chưa kiểm định	Thiết bị	0	0	0	

Ghi chú: Số liệu 2026 tính đến hoặc tại thời điểm 30/6

